

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HSST

Ngày: 20/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Bà Lâm Thị Kim X.

- Thư ký phiên tòa: Phạm Thị Thanh D – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ T2 – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/TLST- HS ngày 28 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh ngày 01/01/1956 tại thị xã K, tỉnh LA; nơi cư trú: Số A, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh LA; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Trần Văn B, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Đặng Thị T, sinh năm 1927 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958 (đã chết); Con: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Tháng 6/1993 bị Công an huyện M, tỉnh LA đưa ra kiểm điểm trước nhân dân về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Ngày 19/5/1994, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh LA xử phạt 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số: 04/HS-ST ngày 19/5/1994), đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 30/5/1994 (quyết định trả tự do số 02/TTD ngày 30/5/1994 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh LA), đã hoàn thành bồi thường dân sự và đóng án phí, đã hết thời hạn được xóa án tích.

+ Ngày 22/01/2025 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 03 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự (Bản án số 24/2025/HS-ST ngày 22/01/2025). Ngày 04/02/2025 bị cáo L làm đơn kháng cáo bản án số 24/2025/HS-ST ngày 22/01/2025, hiện vụ án đang chờ Tòa án cấp phúc thẩm xét xử.

- Bị cáo được tại ngoại điều tra, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2025 ngày 21/4/2025.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Đặng Trung T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh LA.

Bị cáo L có mặt.

Ông T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 58 phút ngày 13/01/2025 Trần Văn L nhận được cuộc gọi của Mập Hàm R.X.Mới (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) sử dụng số điện thoại 0822054729 thuê Lum vận chuyển 01 (một) thùng carton bên trong có chứa 18 hộp pháo nổ, địa điểm nhận pháo nổ tại đường vào hầm rác thuộc ấp G, xã B, thị xã K đến chân cầu Ấ, xã B, thị xã K, tỉnh LA có người đến nhận và trả tiền công 500.000 đồng, L đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển số 62C1-107.62 đến địa điểm đã hẹn gặp người thanh niên thuê Lum vận chuyển pháo nổ, người thanh niên chất 01 (một) thùng carton bên trong có chứa 18 hộp pháo nổ lên yên xe của L, sau khi nhận pháo nổ xong Lum vận chuyển trên đường T tại trước nhà Số B, ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh LA thì bị lực lượng Công an thị xã K bắt quả tang Lum đang chở trên xe tổng cộng 31,5kg pháo nổ.

Tại bản kết luận giám định, số 296/KL-KTHS ngày 22/01/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C, kết luận: 18 (mười tám) khối hình hộp chữ nhật có kích thước 17,5 x 17,5 x 10cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc có in dòng chữ T4049, bên trong mỗi khối có 49 ống, gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ) có khối lượng 31,5kg.

Tang vật tạm giữ: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 62C1-107.62; 01 (một) thùng carton màu xám bên trong có chứa 18 (mười tám) hộp pháo nổ hình chữ nhật, kích thước mỗi hộp 17,5 x 17,5 x 10cm bên ngoài hộp có ghi dòng chữ T4049; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh sim số 0373648414 của Trần Văn L.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 62C1-107.62, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu đỏ đen, số máy: E3X9E042603, số khung: RLCU3240HY015502 của Đặng Trung T1 đứng tên chủ sở hữu, T1 cho Trần Văn L mượn xe để làm phương tiện đi lại, T1 không biết ông L sử dụng xe mô tô để vận chuyển hàng cấm, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 62C1-107.62 cho Đặng Trung T1 xong là phù hợp (Quyết định xử lý tài sản ngày 24/02/2025, biên bản trả lại tài sản ngày 27/02/2025).

Tang vật hiện còn tạm giữ: 18 (mười tám) khối hình hộp chữ nhật có kích thước (17,5 x 17,5 x 10)cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc có in dòng chữ T4049, bên trong mỗi khối có 49 ống, có khối lượng 31,5kg; 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh sim số 0373648414 của Trần Văn L.

Tại cáo trạng số 15/CT-VKSKT ngày 28/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh LA đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng bị cáo L không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

Về tổng hợp hình phạt: Đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 05 năm 03 tháng tù của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, tuyên phạt bị cáo L từ 06 năm 03 tháng tù đến 06 năm 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 18 (mười tám) khối hình hộp chữ nhật có kích thước (17,5 x 17,5 x 10)cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc có in dòng chữ T4049, bên trong mỗi khối có 49 ống, có khối lượng 31,5kg. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, sim số 0373648414 của Trần Văn L.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đặng Trung T1 đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về án phí hình sự, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L do bị cáo L là người cao tuổi.

Tại phiên tòa, bị cáo L thừa nhận hành vi của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo L đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Ông Đặng Trung T1 vắng mặt không có lý do. Xét thấy, ông T1 đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của ông T1 không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn L trước phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp lời khai của người liên quan và phù hợp với nội dung bản cáo trạng nên có cơ sở xác định: Lúc 20 giờ 10 phút ngày 13/01/2025 tại ấp G, xã B, thị xã K, lực lượng Công an thị xã K phối hợp Phòng PC03 Công an tỉnh L, Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế B1 và Công an xã B phát hiện Trần Văn L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 62C1-107.62 vận chuyển thuê cho người khác tổng cộng 31,5kg pháo nổ (pháo hoa nổ) nên tiến hành bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ tang vật, phương tiện. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, không những thể hiện sự coi thường pháp luật mà còn trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh pháo nổ. Bị cáo L có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo L để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo nhiều lần bị xử lý, xử phạt nên xác định có nhân thân xấu.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo L không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người cao tuổi; từng là chiến sĩ dân quân tham gia phục vụ chiến trường bên nước Campuchia; bị cáo có tiền sử nhiều bệnh như bệnh mạch máu não, bệnh lý tăng huyết áp, bệnh gút; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có chính quyền địa phương xác nhận; vợ bị cáo là người có công cách mạng nên được xem xét hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8]. Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo và hiện tại còn phải chấp hành bản án 05 năm 03 tháng của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến xin hưởng án treo của bị cáo. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 05 năm 03 tháng tù của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo L không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung.

[10]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

[10.1]. Việc cơ quan điều tra trả lại xe cho ông T1 là phù hợp.

[10.2]. 18 (mười tám) khối hình hộp chữ nhật có kích thước (17,5 x 17,5 x 10)cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc có in dòng chữ T4049, bên trong mỗi khối có 49 ống, có khối lượng 31,5kg thuộc loại cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

[10.3]. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh sim số 0373648414 của Trần Văn L do có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Đặng Trung T1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nên không xem xét.

[12]. Đối với ông Đặng Trung T1 không liên quan đến vụ việc nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[13]. Đối với đối tượng có tên Mập H Rát.X.Mới và một người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành rà soát, truy tìm nhưng chưa có kết quả, không đủ cơ sở truy xét, làm rõ nên hội đồng xét xử không xem xét.

[14]. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15]. Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K về việc xử lý vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm tù.

3. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, buộc bị cáo Trần Văn L phải chấp hành hình phạt 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo thi hành án.

4. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Văn L.

5. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

5.1. Tịch thu, tiêu hủy 18 (mười tám) khối hình hộp chữ nhật có kích thước (17,5 x 17,5 x 10)cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc có in dòng chữ T4049, bên trong mỗi khối có 49 ống, có khối lượng 31,5kg.

5.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh sim số 0373648414 của bị cáo Trần Văn L.

Theo quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKSKT ngày 28/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K.

6. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự cho bị cáo Trần Văn L.

7. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã K;
- QCSĐT Công an tỉnh LA;
- Phân trại tạm giam khu vực K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1